FEICHUN SPECIAL CABLES
安徽飞纯特种电缆有限公司 · Anhui FeiChun Special Cable Co., Ltd.

报价单号 Số báo giá: **FC-QT-VN-2026-7C21-USD**
日期 Ngày: **17-07-2026**

正式报价单（美金版）· BÁO GIÁ USD

电缆供货报价单 | Báo Giá Cung Cấp Cáp Điện（USD · FOB Shanghai）

致 Việt Anh | 安徽飞纯特种电缆有限公司 — 国际业务部 · Kính gửi Việt Anh — Phòng Kinh doanh Quốc tế

1 报价信息 / Thông Tin Báo Giá

客户 / Khách hàng：**Việt Anh**
目的地 / Điểm đến：**越南 / Việt Nam**
报价编号 / Số báo giá：**FC-QT-VN-2026-7C21-USD**
报价日期 / Ngày báo giá：**2026-07-17**
贸易术语 / Điều kiện giao hàng：**FOB 上海 / FOB Shanghai（Incoterms® 2020）**
币种 / Đơn vị tiền tệ：**美元 USD**
参考汇率 / Tỷ giá tham khảo：**1 USD ≈ 6.77 CNY（1 CNY ≈ 0.1477 USD）**
铜价基准日 / Ngày chốt giá đồng：**2026-07-15**

2 产品明细 / Chi Tiết Sản Phẩm

序号 STT	型号规格 Quy cách	数量 m Số lượng m	单价 USD/m Đơn giá USD/m	总价 USD Thành tiền (USD)
1	0.6-1kV NSSHCGEOEU 3×150/70KON+3×(1.5ST+UEL) 重载屏蔽橡套矿用移动电缆 / Cáp mềm cao su di động hạng nặng dùng cho mỏ, có màn chắn	600	124.07	74,440.80
小计 Tạm tính				**USD 74,440.80**
增值税 Thuế GTGT				不含税 / Chưa gồm thuế
运费 Cước vận chuyển				不含（FOB 上海，买方负责海运及保险）Không bao gồm (FOB Thượng Hải, bên mua chịu cước tàu & bảo hiểm)
总计 Tổng cộng（FOB 上海）				**USD 74,440.80**

换算与条款说明 / Ghi Chú Quy Đổi & Điều Kiện：
本页金额按 CNY→USD 参考汇率 **1 USD ≈ 6.77 CNY**（2026-07-17 银行间中间价附近）由原人民币报价单 FC-QT-VN-2026-7C21（RMB 504,000.00，含运费至广州）折算得出，**仅供参考**，正式合同以下单当日实际结汇汇率为准。

贸易术语已由"送货至广州（运费已含）"调整为 FOB 上海：卖方负责货物在上海港装船前的全部费用（含工厂到港内陆运输、出口报关），国际海运费、保险费及目的港后续费用由买方承担。由于合肥工厂至上海的内陆运费与至广州的内陆运费实际不同（上海距离更近），**本次美金价格暂按原车板含运费价格等额折算，尚未扣除/ 重新核算内陆运费差额**，最终 FOB 上海价格建议在物流部门确认实际内陆运费后再出具正式版本。

Số tiền trong trang này được quy đổi theo tỷ giá tham khảo CNY→USD **1 USD ≈ 6.77 CNY** (tỷ giá trung bình liên ngân hàng ngày 17-07-2026) từ báo giá gốc bằng Nhân dân tệ FC-QT-VN-2026-7C21 (RMB 504,000.00, đã bao gồm cước đến Quảng Châu), **chỉ mang tính tham khảo**; tỷ giá thực tế thanh toán sẽ áp dụng theo ngày đặt hàng chính thức.

Điều kiện giao hàng đã chuyển từ "giao đến Quảng Châu (đã gồm cước)" sang **FOB Thượng Hải**: bên bán chịu mọi chi phí đến khi hàng được xếp lên tàu tại cảng Thượng Hải (gồm vận chuyển nội địa từ nhà máy đến cảng, thủ tục hải quan xuất khẩu); cước tàu quốc tế, bảo hiểm và chi phí sau cảng đến do bên mua chịu. Do quãng đường nội địa từ Hợp Phì đến Thượng Hải khác với đến Quảng Châu (gần hơn), **giá USD lần này tạm quy đổi tương đương giá gốc, chưa tính lại chênh lệch cước nội địa**; đề nghị xác nhận cước nội địa thực tế với bộ phận logistics trước khi phát hành báo giá chính thức.

3 报价条款 / Điều Khoản Báo Giá

- **价格性质**：本报价为不含税 FOB 上海价格，不含国际海运费及保险。
  Cơ sở giá: Giá chưa bao gồm thuế, FOB Thượng Hải, chưa bao gồm cước tàu quốc tế và bảo hiểm.
- **交货期**：收到预付款后约 15–20 个工作日交货（以订单确认为准）。
  Thời gian giao hàng: khoảng 15–20 ngày làm việc sau khi nhận đặt cọc.
- **付款方式**：T/T 预付 50%，发货前付清余款 50%。
  Thanh toán: đặt cọc T/T 50%, thanh toán 50% còn lại trước khi giao hàng.
- **包装**：钢边木盘包装，两端封头，标识型号、长度、盘号。
  Đóng gói: cuộn trên tang gỗ mặt bích thép, bịt kín hai đầu, ghi rõ chủng loại, chiều dài, số tang.
- **价格有效期**：以铜价波动及汇率实际下单日为准，本报价单所列价格仅供参考，最终价格以下单当日铜价及汇率核算结果为准。
  Hiệu lực giá: căn cứ vào biến động giá đồng và tỷ giá tại ngày đặt hàng thực tế; giá cuối cùng được tính lại vào ngày đặt hàng.

4 收款账户信息 / Thông Tin Tài Khoản Nhận Thanh Toán

电汇信息 / T/T Payment Details

收款人名称（中文）/ Tên người thụ hưởng (CN)：**安徽飞纯特种电缆有限公司**

收款人名称（英文）/ Beneficiary Name (EN)：**Anhui Feichun Special Cable Co., Ltd.**

收款人地址（中文）/ Địa chỉ (CN)：**安徽省合肥市经济技术开发区民营科技园一园内**

收款人地址（英文）/ Beneficiary Address (EN)：**Inside a Economic and Technological Development Zones private science park in Hefei, Anhui, China**

外汇账号 / Account No.（USD）：**551904684232456**

开户行 / Bank：**招商银行合肥滨湖科创支行**

收款行 / Beneficiary Bank：**招商银行股份有限公司合肥分行**
CHINA MERCHANTS BANK HEFEI BRANCH

收款行地址 / Beneficiary Bank Address：**NO 169 FUNAN RD., HEFEI, ANHUI, P.R.CHINA**

SWIFT CODE（收外币用）：**CMBCCNBS441**

币种 / Currency：**USD**

安徽飞纯特种电缆有限公司
ANHUI FEICHUN SPECIAL CABLE CO., LTD.